TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136** /2019/DS-ST
Ngày 27/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thuỷ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tưởng**
2. Bà **Lý Thị Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Dung** - Thư ký TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng10 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị B**, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh T.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Đào Quang T**, sinh năm 1951
và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1955
Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố T, tỉnh T.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 23/6/2018 bà Bùi Thị B có cho vợ chồng ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L, hiện trú tại: Thôn 1, xã A, thành phố T, tỉnh T vay số tiền 50.000.000 đồng để lo việc gia đình, hẹn một tháng sau sẽ trả. Khi vay vợ chồng ông bà T, L cùng viết giấy vay tiền và cùng ký tên người vay tiền. Đến hạn ông bà TL không trả tiền cho bà như đã thỏa thuận, bà B đã đòi rất nhiều lần. Ngày 10/7/2019, bà Bùi Thị B khởi

kiện đến Tòa án yêu cầu ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2019, bà Bùi Thị B đề nghị Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông bà Đào Quang T, Nguyễn Thị L phải trả cho bà 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định từ ngày 23/7/2018 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng, triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L đến Tòa án làm việc nhưng ông bà T, L đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông bà T, L nhưng ông bà T, L không có nhà. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Bùi Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bà số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước. Ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu vợ chồng ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L trả cho bà B số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng bằng mức lãi cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ (gửi bảo đảm qua đường bưu điện, tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, bà Bùi Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đào Quang T và Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và yêu cầu khởi kiện:

Ngày 23/6/2018, ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 50.000.000 đồng của bà Bùi Thị B, không thoả thuận lãi suất, bà L có viết giấy vay tiền cho bà B, tại phần người vay cả hai ông bà cùng ký tên, hẹn một tháng sau sẽ thanh toán (tức là ngày 23/7/2018). Đến hạn, ông bà T, L không trả tiền cho bà B, bà B đã nhiều lần tìm ông bà T, L để đòi tiền nhưng không được. Ngày 10/7/2019, bà Bùi Thị B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho bà số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng bằng với mức lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về Thời hiệu khởi kiện Hợp đồng dân sự) thì yêu cầu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản của bà B là đúng quy định pháp luật. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: kèm theo đơn khởi kiện bà Bùi Thị B giao nộp cho Toà án 01 giấy vay tiền (số tiền 50.000.000 đồng) ghi ngày 23/6/2018 ghi tên người vay Đào Quang T và ký tên Nguyễn Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi/niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Giấy báo cho ông bà T, L nhưng ông, bà T, L không đến tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà B. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà B đã đề nghị thu thập chứng cứ là các chữ viết của ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L tại Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 23/6/2018 của ông bà T, L. Tại Kết luận giám định số 711/GĐ-KTHS ngày 24/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ viết phần nội dung và chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L dưới mục „Ký tên“ trong „Giấy vay tiền“ ghi ngày 23/6/2018 (*trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Đào Quang T dưới mục „người vay“*) với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L trong hai "TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN" số 070566003 ghi ngày 21/8/1997 và số 566003 ghi ngày 16/10/2014 (*trừ phần chữ viết tại mục„18. Dấu vết riêng và dị hình“*) là do cùng một người viết và ký.

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Đào Quang T dưới mục „Người vay“ trong „Giấy vay tiền“ ghi ngày 23/6/2018 với chữ viết, chữ ký ghi tên Đào Quang T trong hai "TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN" số 070566004 ghi ngày 21/8/1997 và số 566004 ghi ngày 16/10/2014 (*trừ phần chữ viết tại mục „18. Dấu vết riêng và dị hình“*) là do cùng một người viết và ký.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà Bùi Thị B: Do ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ, chậm trả tiền cho bà B nên ông bà T, L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do có tranh chấp về lãi suất, vì vậy lãi suất 0,75%/tháng (= 9%/năm) theo yêu cầu của

nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Xét thấy: Ngày vi phạm hợp đồng là 23/7/2018 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm (27/11/2018) là 01 năm 04 tháng 04 ngày. Vì vậy, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- 50.000.000đồng x 9% x 01 năm = 4.500.000đồng.

- 9%/năm (= 0,75%/tháng) x 50.000.000đồng = 375.000đồng/tháng = 12.500đồng/ngày. Như vậy, tiền lãi của 04 tháng = 1.500.000đồng và của 04 ngày = 50.000đồng.

Tổng tiền lãi là (4.500.000đ + 1.500.000đ + 50.000đ) = 6.050.000đồng.

Cộng cả tiền gốc và tiền lãi ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị Bình là (50.000.000đ + 6.050.000đ) = 56.050.000đồng.

Chia nghĩa vụ: Ông Đào Quang T phải trả cho bà Bùi Thị B 25.000.000đ tiền gốc và 3.025.000đ tiền lãi, tổng cộng là 28.025.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị B 25.000.000đ tiền gốc và 3.025.000đ tiền lãi, tổng cộng là 28.025.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị B đã nộp chi phí giám định là 3.660.000 đồng, bà B yêu cầu ông T và bà L phải hoàn trả lại cho bà số tiền này. Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 3.660.000 đồng tiền chi phí giám định, chia ra ông T, bà L mỗi người phải trả cho bà Bình là 1.830.000 đồng.

[4] Ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 147, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

- Buộc ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bùi Thị B tổng số tiền 56.050.000đ *(Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*, trong đó bao gồm 50.000.000đồng tiền gốc và 6.050.000đồng tiền lãi. Chia nghĩa vụ: Ông Đào Quang T phải trả cho bà Bùi Thị B 25.000.000đ tiền gốc và 3.025.000đ tiền lãi, tổng cộng là 28.025.000đ (*Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*; Bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị B 25.000.000đ tiền gốc và 3.025.000đ tiền lãi, tổng cộng là 28.025.000đ (*Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

- Buộc ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L phải chịu chi phí giám định và hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 3.660.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng),* chia ra ông T, bà L mỗi người phải trả cho bà B là 1.830.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 1.492.750 đồng *(Một triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bẩy trăn năm mươi đồng đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Bùi Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng *(Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0002929 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Các đương sự: Bà Bùi Thị B, ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thuỷ